|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH GIA LAI**  Số: /2023/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Gia Lai, ngày tháng năm 2023* |
| **DỰ THẢO**  **QUYẾT ĐỊNH**  **Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị**  **trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai** | |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT - BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân, khách hàng sử dụng nước sạch sinh hoạt đô thị của đơn vị cấp nước.

b) Đơn vị cấp nước sạch sinh hoạt đô thị.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai:**

1. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị đối với các hộ gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số là: 4.961 *đồng/m3*

2. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị các hộ gia đình khác là:

*a) Mức từ 1-10 m3 đầu tiên (hộ/tháng): 6.614 đồng/m3*

*b) Mức từ trên 10-20 m3 tiếp theo (hộ/tháng): 8.268 đồng/m3*

*c)Mức từ trên 20-30 m3 tiếp theo (hộ/tháng): 8.681 đồng/m3*

*d) Mức trên 30 m3 (hộ/tháng): 9.095 đồng/m3*

3. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị nêu trên chưa có thuế Giá trị gia tăng và các loại phí

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đak Pơ tại Quyết định này và quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thị xã An Khê và huyện Đak Pơ phối hợp kiểm tra việc thực hiện quy định về giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thành phố Pleiku đúng theo quy định tại quyết định này và quy định của pháp luật.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã An Khê, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đak Pơ, Thủ trưởng đơn vị cấp nước và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 5;  - Cục KTVBQPPL-Bộ TP;  - Thường trựcTỉnh ủy (b/c);  - Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;  - Các đ/c PCT UBND tỉnh;  - Các PVP UBND tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Lưu: VT, CNXD, KTTH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |